

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HS-ST

Ngày 08-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tu

Ông Đinh Mạnh Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/HSST-QĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn T, sinh năm 1982, tại huyện V, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: số A tòa nhà Đ, phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (nơi ĐKKHKT: xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang); nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn L (đã chết) và bà Thân Thị H; có vợ là Đặng Thị Việt T1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/2/2023 đến 17/5/2023 được thay thế biện pháp Bảo lãnh (có mặt).

2. Nguyễn Thị Thùy G, sinh năm 1986, tại quận Đ, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: phòng G2-2011 toà G2 tổ dân phố G, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (nơi ĐKKHKT: phòng 806 C1 S V, phường T, quận T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp kế toán; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế L1 và bà Đỗ Thị D; có chồng là Vũ Quang B và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Cục thuế tỉnh N.

Địa chỉ: đường Đ, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Nam T2, chức vụ: Cục trưởng Cục thuế tỉnh N (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Quang N, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 2, Cục thuế tỉnh N (theo văn bản ủy quyền đề ngày 17 tháng 3 năm 2023) - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Đặng Thị Việt T1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: số A tòa nhà Đ, phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

2. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1996. Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn G1, sinh năm 1998. Nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

4. Chị Lê Thị Lan P, sinh năm 1983. Nơi cư trú: thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Người làm chứng: anh Đinh Đức S, chị Đinh Thị D1, chị Đinh Thị Lan A (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Văn T, sinh năm 1982, ở số A tòa nhà Đ, phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội và Lê M sinh năm 1977, trú tại số A T, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội quen biết nhau thông qua các mối quan hệ xã hội. Thọ được Lê Minh đề vấn đề thành lập doanh nghiệp để nhập khẩu xe ô tô dưới hình thức nhận quà biếu, tặng từ nước ngoài. T không biết và không có quan hệ gì với bên tặng xe, toàn bộ các thủ tục xin cấp phép nhập khẩu, thông quan xe đều do Lê Minh làm sẵn để cho T ký. T sẽ được trả công 50.000.000 đồng cho mỗi lần nhập xe, T đồng ý. Do vậy ngày 15/9/2018 T đã nhận chuyển nhượng công ty TNHH T3 (gọi tắt là công ty T3) mã số thuế 0107692794 - là công ty TNHH H3 thành viên trở lên có địa chỉ trụ sở ở số B N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội từ Đào Thu H1, sinh năm 1990, ở số B N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội và Trần Thu H2, sinh năm 1960, ở A tổ A, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Thông qua sinh hoạt ban liên lạc họ Đinh tại Ninh Bình, Đinh Văn T quen biết với ông Đinh Đức S, sinh năm 1967, trú tại số nhà D, phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình, T đã hỏi mượn địa chỉ nhà riêng của ông S làm địa chỉ đăng ký kinh doanh cho công ty T3, ông S đồng ý. Sau đó T đã làm thủ tục chuyển trụ sở công ty về địa chỉ nhà ông S.

Ngày 10/10/2018 Công ty T3 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh N cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C thay đổi lần thứ nhất địa chỉ trụ sở tại số D, phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình do T làm giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, công ty đăng ký kê khai và nộp thuế theo quý tại Cục thuế tỉnh N.

Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, khoảng tháng 01/2019 Đinh Văn T thuê Nguyễn Thị Thùy G, sinh năm 1986, ở phòng B tòa G tổ dân phố G, phường M, quận N, thành phố Hà Nội làm kế toán khai thuế điện tử cho công ty T4 hình thức bán thời gian, khi nào có việc thì T thông báo cho G thực hiện. T trả lương cho G 300.000 đồng/tháng, hai bên không có hợp đồng lao động mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau.

Ngày 25/9/2018 Công ty T3 nhận được thư xác nhận từ công ty G2 có địa chỉ tại Cộng hòa liên bang Đức tặng cho công ty S1 Rừng 01 chiếc ô tô Mercedes-Benz S600 Maybach Pullman màu đen 06 chỗ, sản xuất năm 2018 tại Đức màu đen; số khung WDD 2229761A262598; dung tích xi lanh 6.0L, xe chưa qua sử dụng. Ngày 17/10/2018 Lê M đưa cho T bộ hồ sơ về thủ tục nhập khẩu xe đồng thời đưa trước tiền công cho T 20.000.000 đồng. Sau đó T đã ký vào “*Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô không nhằm mục đích thương mại*” số 17/2018/CV ngày 17/10/2018, đóng dấu chức danh giám đốc Đinh Văn T, gửi kèm các hồ sơ liên quan đến Cục H4 để làm thủ tục nhập khẩu xe.

Ngày 18/10/2018 Cục H4 cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô Mercedes-Benz S600 Maybach Pullman cho công ty T3. Quá trình làm thủ tục nhập khẩu phát hiện năm sản xuất của xe là năm 2016, không phải năm 2018 do đó ngày 19/10/2018 Cục H4 đã có thông báo đính chính năm sản xuất của xe là năm 2016.

Ngày 21/10/2018 công ty T3 mở tờ khai hàng hóa nhập khẩu tại Chi cục Hải Quan cửa khẩu cảng S2 khu vực 1.

Ngày 30/11/2018 Chi cục Hải Quan cửa khẩu cảng S2 khu vực 1 có công văn số 18679/TB-KV1-HHN-G thông báo xác định giá trị hải quan đối với chiếc xe ô tô nhập khẩu của công ty T3 là 11.892.541.500 đồng, các sắc thuế phải nộp là:

- Thuế nhập khẩu 5.589.494.505 đồng
- Thuế tiêu thụ đặc biệt 22.726.646.807 đồng
- Thuế giá trị gia tăng 4.020.868.281 đồng

Tổng số thuế mà công ty T3 phải nộp là 32.337.009.593 đồng.

Từ ngày 7/12/2018 đến ngày 03/4/2019, công ty T3 đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền thuế nhập khẩu chiếc xe trên là 32.337.009.593 đồng. Số tiền này do Lê Minh c bằng tiền mặt và chuyển khoản từ tài khoản 100868077777 của M mở tại Ngân hàng V chi nhánh H5 đến tài khoản 19022311608686 của Đinh Văn T mở tại Ngân hàng T5 chi nhánh T6, Hà Nội để T nộp.

Ngày 04/4/2019 Chi cục hải quan cửa khẩu cảng S2 khu vực 1 cấp phép thông quan cho xe ô tô được tặng cho công ty T3, ngay sau đó Lê M yêu cầu T viết hóa đơn giá trị gia tăng bán chiếc xe trên cho công ty Cổ phần D2 (gọi tắt là công ty D2) có trụ sở tại số nhà I tổ C, phường H, quận H, thành phố Hà Nội do

Lê Thị Lan P, sinh năm 1983 là giám đốc với giá 42.219.090.090 đồng; thuế xuất giá trị gia tăng là 10% = 4.211.909.091 đồng, tổng số tiền phải thanh toán là 46.441.000.000 đồng. T đã chỉ đạo Nguyễn Thị Thùy G là kế toán công ty S1 Rừng xuất hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số 0000001 của công ty T3 với nội dung như Lê M yêu cầu.

Ngay sau khi hoàn thành thủ tục mua bán xe giữa công ty T3 do T làm giám đốc với công ty D2 do P làm giám đốc, trong ngày 04/4/2019 Lê M tiếp tục yêu cầu công ty D2 xuất hóa đơn số 0001006 bán chiếc xe ô tô mua của Công ty T3 cho công ty cổ phần X có trụ sở tại B Cầu G, phường D, quận C, thành phố Hà Nội với giá 46.452.000.000 đồng, khi viết hóa đơn do P đi vắng nên P đã nhờ Đặng Thị Việt T1, sinh năm 1984, ở 1108B tòa nhà Đ, phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội là người quen của P viết giúp và ký tên giám đốc Lê Thị Lan P; Lê M đã trả nốt cho T 30.000.000 đồng tiền công, đưa cho T 10.000.000 đồng để trả công cho Lê Thị Lan P vì đã giúp xuất hóa đơn bán xe.

Với mục đích để trốn thuế, tháng 5/2019 T nhờ anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1996, ở thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang là người quen của T tìm người đứng tên giám đốc công ty T3 thay cho T, anh Đ đã chụp ảnh giấy chứng minh nhân dân và chữ ký của anh Nguyễn Văn G1, sinh năm 1998, ở thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa - là bạn làm công nhân cùng Đ rồi gửi qua tài khoản zalo cho T, sau đó T gửi cho Nguyễn Thị Thùy G là kế toán của công ty T3 để làm thủ tục chuyển nhượng công ty T3 cho Nguyễn Văn G1 đứng tên làm giám đốc.

Ngày 24/5/2019 Sở kế hoạch đầu tư tỉnh N cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi lần 2 cho Công ty T3 theo đó Nguyễn Văn G1 đứng tên làm giám đốc công ty và người đại diện theo pháp luật thay cho Đinh Văn T. Trong thời gian này toàn bộ hoạt động của Công ty T3 vẫn do Đinh Văn T chỉ đạo điều hành, dấu công ty và chữ ký số do T và Nguyễn Thị Thùy G quản lý. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến báo cáo tài chính, kê khai thuế trong giai đoạn từ ngày 24/5/2019 đến ngày 14/10/2021 đều được T và G sử dụng chữ ký số của Nguyễn Văn G1 vào mục người đại diện theo pháp luật của công ty.

Sau khi viết hóa đơn bán chiếc xe trên cho công ty D2, T cung cấp toàn bộ các hóa đơn chứng từ cho Nguyễn Văn G1 để G1 hạch toán kê khai thuế, G1 hỏi T có kê khai giá trị chiếc xe ô tô được tặng cho vào thu nhập khác không, T không đồng ý nên quá trình lập báo cáo tài chính và tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 G1 đã không hạch toán khoản thu nhập từ giá trị xe được tặng là 11.892.541.500 đồng vào sổ sách kế toán của công ty. Sau khi trừ các loại chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài, thử nghiệm xe ô tô... thì

công ty còn lợi nhuận thực tế số tiền 860.181.386 đồng, G1 đã thông báo cho T biết đồng thời nói với T nên thêm chi phí phải trả cho người lao động vào để công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Được T đồng ý G1 đã lập chứng từ và khai khống khoản chi phí nhân công là 882.209.259 đồng tại kỳ quyết toán thuế năm 2019. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty là -22.027.873 đồng (Âm hai hai triệu không trăm hai bảy nghìn tám trăm bảy ba đồng). Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp công ty T3 phải nộp là 0. Sau khi thống nhất với T nội dung trên, ngày 01/6/2020 G1 đã lập báo cáo tài chính năm 2019, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ tính thuế năm 2019 sử dụng chữ ký số mang tên Nguyễn Văn G1 giám đốc, người đại diện theo pháp luật và con dấu công ty H6 hồ sơ gửi đến Cục thuế tỉnh N. Ngày 14/10/2021 Đinh Văn T làm thủ tục chuyển nhượng lại công ty T3 từ Nguyễn Văn G1 đứng tên làm giám đốc sang T làm giám đốc cho đến nay.

Từ ngày 8/6/2020 đến ngày 23/6/2022 Cục thuế tỉnh N đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu công ty T3 đến trụ sở Cục thuế giải trình làm rõ những nội dung liên quan đến báo cáo tài chính năm 2019, 2020, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019, 2020 đồng thời yêu cầu công ty cung cấp toàn bộ chứng từ gốc, sổ sách liên quan đến xe ô tô nhập khẩu theo hình thức biểu, tặng năm 2019 nhưng T không chấp hành, không cung cấp sổ sách chứng từ gốc, không đến cơ quan thuế làm việc và không có văn bản giải trình.

Ngày 13/7/2022 Cục thuế tỉnh N có văn bản gửi Công an tỉnh đề nghị phối hợp điều tra, xác minh theo quy định của pháp luật về hành vi trốn thuế của công ty T3. Ngày 19/7/2022 Cục T phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn T xác minh, kết quả xác định công ty T3 không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh. Do vậy ngày 25/7/2022 Cục thuế tỉnh N ra thông báo về việc công ty T3 không hoạt động tại địa chỉ đăng ký, không được sử dụng hóa đơn và mã số thuế.

Sau khi điều tra xác minh, thu thập chứng cứ ngày 20/12/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N ra quyết định trưng cầu giám định thiệt hại thuế đối với chiếc xe mà Công ty T3 nhập về bán không kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tại kết luận giám định ngày 31/12/2022 của Tổ giám định Cục thuế tỉnh N, kết luận:

“Công ty TNHH T3, mã số thuế 0107692794 có hành vi trốn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019, cụ thể xác định theo từng hành vi:

+ Hành vi không hạch toán khoản thu nhập từ giá trị xe được tặng là 11.892.541.500 đồng vi phạm theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 “2. Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp”.

+ Hành vi kê khai không chi phí phải trả cho người lao động số tiền 882.209.259 đồng vi phạm theo quy định tại khoản 5, Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 “5. Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp khác để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được hoàn”.

Số thuế TNDN năm 2019 trốn được xác định như sau:

+ Thu nhập tính thuế theo kê khai của doanh nghiệp; -22.027.873 đồng (1)

+ Tăng thu nhập khác do được biếu, tặng ô tô: 11.892.541.500 đồng (2)

+ Giảm chi phí nhân công do khai không: 882.209.259 đồng (3)

+ Xác định lại thu nhập tính thuế TNDN (4):

(4) = (1) + (2) + (3) = 12.752.722.886 đồng.

+ Xác định số thuế TNDN phải nộp (Doanh nghiệp trốn số thuế này):

12.752.722.886 đồng x 20% = 2.550.544.577 đồng.”

* Về xử lý vật chứng và tài sản đã thu giữ: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ:

Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty T3 năm 2018, 2019, 2021 (bản sao 03 tờ); Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô, số 17/2018/CV của Công ty TNHH T3 (bản sao 01 tờ có dấu treo của Cục H4); Giấy phép nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe ô tô/xe gắn máy không nhằm mục đích thương mại số 1702/NK-KNMĐTM (bản sao 01 tờ có dấu treo của Cục H4); Thông báo đính chính giấy phép nhập khẩu số 1719/NK-KNMĐTM (01 tờ, bản phô tô, đóng dấu treo của Cục H4); Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (04 tờ, bản phô tô, đóng dấu treo của Cục H4); Thông báo về giá trị hải quan số 18679/TB-KV1-HHN-G (01 tờ, bản phô tô, đóng dấu treo của Cục H4); 01 hóa đơn GTGT số 0000001 ngày 04/4/2019 của Công ty T3 (bản phô tô, đóng dấu giáp lai của Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố H); Tờ khai thuế GTGT, bản giải trình quý 2 năm 2019 của Công ty T3 (4 tờ, bản in điện tử, đóng dấu treo của Cục thuế tỉnh N); Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (kỳ tính thuế: Ngày 04/4/2019) của Công ty T3 (2 tờ, bản in điện tử, đóng dấu treo của Cục thuế tỉnh N); Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, bản giải trình khai bổ sung điều chỉnh, phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (kỳ tính thuế: Năm 2019) của Công ty T3 (7 tờ, bản in điện tử, đóng dấu treo của Cục thuế tỉnh N); Báo cáo tình hình tài chính, phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phụ lục báo cáo lưu chuyển tiền tệ, phụ lục bảng cân đối tài khoản năm 2019 của Công ty T3 (11 tờ, bản in điện tử, đóng dấu treo của Cục thuế tỉnh N); 18 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (nộp tiền thuế GTGT và tiêu thụ đặc biệt sau khi Công ty T3 bán xe ô tô được tặng). Toàn bộ số tài liệu trên đã được Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án.

01 dấu tròn Công ty TNHH T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21+5G, bên trong có lắp 01 sim điện thoại số thuê bao 0868063345

thu giữ của Đinh Văn T; T không sử dụng điện thoại vào việc phạm tội do vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

Quá trình điều tra chị Đặng Thị Việt T1, sinh năm 1984 (là vợ T) đã tự nguyện nộp số tiền 2.551.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; Nguyễn Thị Thùy G nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh N tại kho bạc nhà nước tỉnh Ninh Bình. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình quyết định chuyển số tiền 2.561.000.000 đồng đến tài khoản của Cục thi hành án tỉnh Ninh Bình để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 200; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Văn T, xử phạt: bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù như cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đinh Văn T cho UBND phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 200; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy G, xử phạt bị cáo G từ 12 đến 18 tháng tù như cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thùy G cho UBND phường M, quận N, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Thùy G có trách nhiệm phối hợp với UBND phường M, quận N, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 2.550.544.577 đồng trốn thuế gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước các bị cáo đã nộp đủ, được trừ vào số tiền 2.551.000.000 đồng bị cáo T đã nộp và số tiền 10.000.000 đồng bị cáo G đã nộp, số tiền còn lại được trừ vào số tiền thu lời bất chính (theo biên bản thoả thuận ngày 10 tháng 10 năm 2023 và đơn đề nghị của bị cáo Nguyễn Thị Thùy G ngày 08 tháng 11 năm 2023).

- Buộc bị cáo Đinh Văn T phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T đã nộp đủ 50.000.000 đồng cụ thể số tiền 39.544.577 đồng theo Biên lai số: 0000051 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành dân sự tỉnh N và số tiền 10.455.423 đồng còn lại từ tiền khắc phục hậu quả trốn thuế của bị cáo T.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để các bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình và các con còn nhỏ, các bị cáo hứa không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; đề nghị của nguyên đơn dân sự; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; bản kết luận giám định ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổ giám định theo vụ việc Cục T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Đinh Văn T là giám đốc Công ty TNHH T3 đã làm thủ tục nhập khẩu 01 chiếc ô tô Mercedes-Benz S600 Maybach Pullman màu đen 06 chỗ dưới hình thức nhận quà tặng từ cộng hòa liên bang Đ1, sau khi bán xe Thọ chỉ đạo Nguyễn Thị Thùy G là kế toán công ty không hạch toán khoản thu nhập giá trị chiếc xe được tặng là 11.892.541.500 đồng vào thu nhập khác của doanh nghiệp, khai khống chi phí phải trả cho người lao động số tiền 882.209.259 đồng để giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của công ty T3, vi phạm khoản 2, khoản 5 Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, trốn thuế với số tiền là 2.550.544.577 đồng. Hành vi của các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G đã phạm tội “Trốn thuế” quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Điều 200. Tội trốn thuế

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị

kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật;

b)...

2.

3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực thuế của Nhà nước, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, doanh nghiệp gây thất thu thuế trên địa bàn, do đó phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục cải tạo các bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[3] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn có hai bị cáo tham gia, bị cáo Đinh Văn T là giám đốc Công ty TNHH T3 đã chỉ đạo bị cáo Nguyễn Thị Thùy G là kế toán công ty khai khống chi phí để giảm số tiền thuế phải nộp, vì vậy bị cáo T có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo G là kế toán, thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo của bị cáo T, do đó bị cáo G xếp vai trò sau T.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện, các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lời bất chính và tiền trốn thuế; bản thân bị cáo T đang bị viêm gân Achilles phải phẫu thuật nhiều lần, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bố đẻ bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì và hạng Ba. Bị cáo G có con nhỏ bị rối loạn phổ tự kỷ, chậm phát triển trí tuệ bẩm sinh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Các bị cáo đều nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách nhất định là phù hợp cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng quy định khoản 4 Điều 200 của Bộ luật Hình sự phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: Đối với số tiền 2.550.544.577 đồng Công ty TNHH T3 trốn thuế gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước (theo kết luận giám định ngày 31/12/2022 của Tổ giám định Cục thuế tỉnh Ninh Bình kết luận). Theo quy định thì Công ty TNHH T3 phải nộp lại số tiền trốn thuế nêu trên cho Cục thuế tỉnh N để sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên ngày 19/7/2022 Cục thuế tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn T xác minh, kết quả xác định công ty T3 không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh. Do vậy ngày 25/7/2022 Cục thuế tỉnh N ra thông báo về việc công ty T3 không hoạt động tại địa chỉ đăng ký, không được sử dụng hóa đơn và mã số thuế. Vì vậy bị cáo T là giám đốc, bị cáo G là kế toán đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế nêu trên. Các bị cáo đã nộp đủ, được trừ vào số tiền 2.551.000.000 đồng bị cáo T đã nộp và số tiền 10.000.000 đồng bị cáo G đã nộp, số tiền còn lại được trừ vào số tiền thu lời bất chính bị cáo T phải nộp (theo biên bản thỏa thuận ngày 10 tháng 10 năm 2023 và đơn đề nghị của bị cáo Nguyễn Thị Thùy G ngày 08 tháng 11 năm 2023).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Đinh Văn T phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T đã nộp đủ số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể bị cáo nộp số tiền 39.544.577 đồng theo Biên lai số: 0000051 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành dân sự tỉnh N và số tiền 10.455.423 đồng còn lại từ tiền khắc phục hậu quả trốn thuế của bị cáo T đã nộp.

[5] Đối với Lê M, T khai nhận được Lê M thuê nhập xe qua pháp nhân Công ty T3, quá trình điều tra xác định Lê M xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 29/6/2021 qua cửa khẩu N1 hiện chưa có thông tin nhập cảnh, ngoài ra Lê Minh hiện đang bị Công an thành phố H khởi tố truy nã về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” do vậy Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có đủ chứng cứ xác định hành vi vi phạm Lê M sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với Hoàng Văn Đ được T nhờ tìm người đứng tên giám đốc, Đ đã chụp chứng minh nhân dân, chữ ký của G gửi để T làm thủ tục chuyển nhượng công ty, Đ không biết gì về mục đích cũng như hành vi trốn thuế của T, do vậy Đ không phạm tội.

Đối với Nguyễn Văn G1 là người được T làm thủ tục chuyển nhượng và đứng tên làm giám đốc công ty T3, G1 không biết việc này, không tham gia điều hành công ty và cũng không biết việc T trốn thuế do vậy G1 không phạm tội.

Đối với Lê Thị Lan P là giám đốc công ty D2 là người mua chiếc xe ô tô của Công ty T3, sau đó xuất hóa đơn bán xe cho công ty Cổ phần X FAROS sau đó được Lê Minh t công 10.000.000 đồng, công ty D2 thực hiện đầy đủ việc thanh toán tiền và nộp thuế giá trị gia tăng đúng theo quy định do vậy không có căn cứ xử lý.

Ngoài ra quá trình điều tra còn xác định được ngày 04/4/2019 Công ty T3 xuất hóa đơn bán chiếc xe ô tô được tặng cho công ty D2 với giá 42.219.090.090 đồng, thuế giá trị gia tăng là 4.211.909.091 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 46.441.000.000 đồng. Đến ngày 02/6/2020 Công ty T3 mới kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt là 1.136.317.620 đồng sau đó đã nộp đủ số tiền thuế trên. Tại thời điểm công ty T3 nộp tiền cơ quan thuế chưa có quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế, chưa lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế. Căn cứ vào điểm b khoản 11 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 hành vi trên của công ty T3 không phải là hành vi trốn thuế. Do vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế nêu trên.

[6] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[7] Về án phí: Các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G bị tuyên có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 200; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G phạm tội “Trốn thuế”.

2. Xử phạt:

Bị cáo **Đinh Văn T 21** (hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 (bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/12/2023. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đinh Văn T cho UBND phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo **Nguyễn Thị Thùy G 15** (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/12/2023. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thùy G cho UBND phường M, quận N, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Thùy G có trách nhiệm phối hợp với UBND phường M, quận N, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

4. Biện pháp tư pháp:

- Công ty TNHH T3 phải nộp lại cho Cục thuế tỉnh N số tiền trốn thuế 2.550.544.577 đồng để sung ngân sách Nhà nước (các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G đã nộp thay cho Công ty TNHH T3 đủ), được trừ vào số tiền 2.561.000.000 đồng bị cáo T và bị cáo G đã nộp (số tiền trên hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.1054125.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc nhà nước tỉnh N theo ủy nhiệm chi số 10 lập ngày 30/10/2023). Số tiền còn lại là 10.455.423 đồng được trừ vào số tiền thu lời bất chính của bị cáo Đinh Văn T.

- Buộc bị cáo Đinh Văn T phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T đã

nộp đủ 50.000.000 đồng, cụ thể: số tiền 39.544.577 đồng bị cáo đã nộp (tại Biên lai số: 0000051 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình) và số tiền 10.455.423 đồng còn lại từ tiền khắc phục hậu quả trốn thuế của bị cáo T (số tiền trên hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.1054125.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc nhà nước tỉnh N theo ủy nhiệm chi số 10 lập ngày 30/10/2023).

Tiếp tục quản lý số tiền 2.561.000.000 đồng (trong đó T có 2.551.000.000 đồng, G có 10.000.000 đồng) đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc Nhà nước tỉnh N theo ủy nhiệm chi số 10 lập ngày 30/10/2023 đơn vị trả tiền Công an tỉnh N và số tiền 39.544.577 đồng theo Biên lai số: 0000051 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Thị Thùy G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao (1 bản);
 - VKSND Cấp cao (1 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng KTNV-THA (7 bản);
 - Phòng HSNV Công an tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Phòng PC10 Công an tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Phòng PC03 Công an tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Sở Tư pháp (1 bản);
 - Bị cáo (2 bản);
 - Nguyên đơn DS;
 - Người có QLNV liên quan;
 - Lưu hồ sơ, lưu tòa, HCTP (3 bản).
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thảo